

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10.9.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Huỳnh Thị Lệ** và ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Ái Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12.6.2020, quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HN ngày 10.7.2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H- sinh năm 1975.(có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn H- Sinh năm 1969.(vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ 53 phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại tổ 53 phường HKB, quận Lu, Tp Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống đến năm 2003 vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn là do ông Trần Văn H thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới tôi. Hiện nay, ông H có quan hệ với người khác, đã có hành động đánh đập và uy hiếp tinh thần tôi nhiều lần, làm tổn thương thân thể và uy tín của tôi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn H.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống tôi và ông Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 18/9/1995 và Trần Thủy T, sinh ngày 05/9/2001. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tôi xác nhận không có.

*** Bị đơn là ông Trần Văn H** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Phạm Thị H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Trần Văn H không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Phạm Thị H và ông Trần Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường HKB xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Về con chung có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 18/9/1995 và Trần Thủy T, sinh ngày 05/9/2001. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà H không yêu cầu nên không xét.

Về nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 10.7.2020 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Trần Văn H, nhưng ông Trần Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Trần Văn H.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và ông Trần Văn H thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phạm Thị H và ông Trần Văn H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại tổ 53 phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng.

Theo bà Phạm Thị H trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do ông Trần Văn H thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới bà Phạm Thị H. Hiện nay, ông H có quan hệ với người khác về nhà lại đánh đập và uy hiếp tinh thần bà H nhiều lần, làm tổn thương thân thể và uy tín của bà H. Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà hôm nay ông Hg không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông Hg không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo đơn xác minh tại UBND phường HKB, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Hg có mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Hg đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Phạm Thị H khai nhận bà và ông Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 18/9/1995 và Trần Thủy T, sinh ngày 05/9/2001. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- **Về nợ chung:** bà Phạm Thị H xác nhận không có.

Nếu sau này H và ông Hồng có tranh chấp về vấn đề con chung; tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phạm Thị H phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Trần Văn H.
Tuyên xử: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975, được ly hôn với ông Trần Văn H, sinh năm 1969.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21 của UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng cấp ngày 23.02.2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

3. Về nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Phạm Thị H phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số **0004224** ngày 13.02.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND phường An Khê
- q. Thanh Khê, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy

